

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HS-ST

Ngày 10-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Hoài** và bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị MD** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/209/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 02/4/2019 đối với bị cáo:

Đỗ Duy H, sinh năm 1990 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn M, xã MD, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng H và bà Trần Thị G; bị cáo chưa có vợ con, gia đình có 2 anh em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 20 ngày 26/02/2014 Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (*giá trị tài sản chiếm đoạt 50 triệu, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/6/2015*); Bản án hình sự phúc thẩm số 503 ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*bản án sơ thẩm số 75 ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù bị kháng cáo – thực hiện hành vi phạm tội ngày 08/3/2017; giá trị tài sản chiếm đoạt 627.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2018*); bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2019 tại trại tạm giam Kim Chi-Công an Hải Dương đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người tham gia tố tụng khác:

* Người bị hại:

1. Anh Phạm Ng B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 01/25 VMH, khu LC B, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt*).

2. Chị Đặng Phương Th, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn CD, xã GK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt*).

3. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm 1, xã VS, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; hiện trú tại: Số 2/22/160 VH, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đoàn Phương N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn VX, phường AQ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt*).

2. Anh Đinh Duy H2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu 2, phường CT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt*).

* Người làm chứng:

1. Chị Đỗ Thị Bích Ng, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn TG, xã TS, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

2. Anh Đinh Hồ M, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khu 5, phường CT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSNDTPHD ngày 12/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đỗ Duy H về các tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/10/2018 đến ngày 11/01/2019, Đỗ Duy H đã thực hiện hai vụ Trộm cắp tài sản và một vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ, ngày 31/10/2018 H đi bộ một mình đến khu vực phường TM, thành phố Hải Dương với mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến 23 giờ cùng ngày, phát hiện cửa hàng điện thoại di động tại 46 Vũ Công Đán, phường TM của anh Phạm Ng B khóa cửa ngoài nên H đã nhặt một thanh sắt vút ở rìa đường gần đó cạy bung khóa cửa. H vào bên trong cửa hàng lục soát lấy được 11 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc Iphone 7 plus, 01 chiếc Iphone 7, 01 chiếc Iphone 6S plus, 03 chiếc Iphone 6S, 03 chiếc Sony Z5, 01 chiếc Samsung J3 và 01 chiếc Meizu. Sau khi lấy được 11 chiếc điện thoại, vào sáng ngày 01/11/2018 H bắt xe buýt lên thành phố Hà Nội và đến một cửa hàng điện thoại hiện nay không xác định được bán 10 chiếc điện thoại được số tiền 19 triệu đồng và giữ lại một chiếc Iphone 7 để sử dụng. Đến trưa ngày 03/11/2018 H tiếp tục mang chiếc điện thoại Iphone 7 đến cửa hàng điện thoại của anh Đoàn Phương N ở 27 Đồng Niên, phường Việt Hòa bán cho anh N với số tiền 4 triệu đồng. Toàn bộ số tiền bán 11 chiếc điện thoại, H đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 16/01/2019 anh N đã giao nộp chiếc điện thoại Iphone 7 cho cơ quan điều tra để trả lại cho anh B.

Vụ thứ hai: Vào đêm ngày 10/12/2018, H đi bộ lang thang tại các khu trọ thuộc phường TB xem có phòng trọ nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ ngày 11/12/2018 H đến khu trọ tại địa chỉ 19/36 NTD, phường BH thì phát hiện phòng trọ cuối cùng trong dãy của chị Đặng Phương Th và Đỗ Thị Bích Ng

mở hé cửa. Quan sát thấy chị Th và chị Ng đang ngủ trên giường nên H đã lên vào phòng lấy được một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y6 Prime là tài sản của chị Th. Đến 15 giờ cùng ngày, tại quán Internet trên đường Đồng Niên, phường Việt Hòa – H đã bán chiếc điện thoại này cho một nam thanh niên không quen biết được số tiền 700.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Trong thời gian ở trọ tại 2/22/160 VH, phường TB, thành phố Hải Dương. H có quen biết anh Trần Văn H1 cũng là người thuê trọ ở phòng bên cạnh. Biết anh H1 có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade biển số 37M1-223.20 và nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh H1 để cầm cố vay tiền tiêu sài nên khoảng 21 giờ ngày 11/01/2019 H đi đến quán Internet ở ngõ 160 VH gặp anh H1, nói dối anh H1 cho mượn xe để đi gặp bạn một lúc rồi mang về trả. Anh H1 tưởng thật nên đã đồng ý đưa chìa khóa xe và chìa khóa phòng trọ cho H để H về lấy xe. H đã về phòng trọ của anh H1 lấy xe, lục soát phòng trọ để lấy giấy đăng ký xe cùng chứng minh thư của anh H1 rồi mang xe đến hiệu cầm đồ của anh Đinh Duy H2 ở 165B Tuệ Tĩnh. Tại đây, H đã gặp anh Đinh Hồ M là nhân viên làm thuê cho anh H2, H đặt xe cùng giấy đăng ký và chứng minh nhân dân của anh H1 làm tin để nhận số tiền 7 triệu đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 19/01/2019 anh H2, anh M đã giao nộp chiếc xe kèm theo giấy tờ, chứng minh nhân dân của anh H1 cho cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 20/02/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen bản 32G là 5.000.000đ; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu trắng bản 32G là 6.250.000đ; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng bản 32G là 3.500.000đ; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám bản 32G là 3.500.000đ; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng bản 32G là 3.500.000đ; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus màu vàng bản 16G là 5.500.000đ; giá trị hai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z5 màu hồng là 3.000.000đ; giá trị một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Z5 màu trắng là 1.500.000đ; giá trị một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 màu vàng là 1.000.000đ; giá trị một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Meizu M5C màu xanh là 895.000đ; giá trị một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y6 Prime màu vàng là 2.691.000đ + phí làm lại một SIM mạng Vietnamobile là 30.000đ; giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ - đen phanh cơ, vành nan hoa là 16.987.500đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Duy H thừa nhận bản thân chính là người thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 11 chiếc điện thoại di động các loại tại cửa hàng điện thoại của anh Phạm Ng B ở 46 Vũ Công Đán, phường TM vào đêm ngày 31/10/2018; lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y6 Prime màu vàng của chị Đặng Phương Th ở phòng trọ tại 19/36 NTD, phường BH vào sáng ngày 11/12/2018 và thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối để anh Trần Văn H1 cho mượn xe máy sau đó đặt xe cùng giấy tờ xe, chứng minh nhân dân của anh H1 vay tiền mà không trả xe. Bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; xác định Cáo

trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại anh Phạm Ng B, chị Đặng Phương Th và anh Trần Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phạm Ng B yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị 10 chiếc điện thoại bị chiếm đoạt theo giá mà Hội đồng định giá đã định, đối với chiếc điện thoại Iphone 7 đã nhận lại anh B không có ý kiến gì; chị Đặng Phương Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại kèm thẻ sim bị chiếm đoạt; anh Trần Văn H1 đã nhận lại xe cùng toàn bộ giấy tờ và không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương N và anh Đinh Duy H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đoàn Phương N yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 4 triệu đồng đã bỏ ra mua chiếc điện thoại; anh Đinh Duy H2 tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 7 triệu đã bỏ ra để nhận cầm cố chiếc xe máy.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Duy H phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Khoản 1 Điều 174; điểm g, h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Duy H từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Đỗ Duy H phải chấp hành hình phạt của hai tội từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 16/01/2019.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Duy H phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Phạm Ng B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 01/25 VMH, khu LC B, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương số tiền 28.645.000đ (*hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) và hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn VX, phường AQ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Về biện pháp tư pháp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Duy H phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Đỗ Duy H có tội và áp dụng pháp luật:

Bị cáo Đỗ Duy H thừa nhận: Khoảng 21 giờ, ngày 31/10/2018, tại cửa hàng điện thoại di động tại 46 Vũ Công Đán, phường TM, thành phố Hải Dương; khoảng 02 giờ ngày 11/12/2018 tại phòng trọ ở 19/36 NTD, phường BH, thành phố Hải Dương. Đỗ Duy H đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 11 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc Iphone 7 plus, 01 chiếc Iphone 7, 01 chiếc Iphone 6S plus, 03 chiếc Iphone 6S, 03 chiếc Sony Z5, 01 chiếc Samsung J3 và 01 chiếc Meizu là tài sản của anh Phạm Ng B, tổng trị giá **33.645.000** đồng; chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y6 Prime là tài sản của chị Đặng Phương Th trị giá **2.691.000** đồng, kèm theo chi phí làm lại SIM **30.000** đồng, tổng trị giá **2.721.000** đồng. Đồng thời, Đỗ Duy H thừa nhận vào khoảng 21 giờ ngày 11/01/2019 tại quán Internet ở ngõ 160 VH, phường TB, thành phố Hải Dương đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade biển số 37M1-223.20 là tài sản của anh Trần Văn H1 trị giá **16.987.500** đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo của người bị hại, vật chứng đã thu giữ, phù hợp với biên bản nhận dạng, biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường, hình ảnh camera và kết luận giám định. Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai người bị hại, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản lấy lời khai người làm chứng đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi lén lút và hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Phạm Ng B, chị Đặng Phương Th và anh Trần Văn H1.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, bản án hình sự sơ thẩm số 20 ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu định tội khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị xét xử sơ thẩm tại bản án số 75 ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và xét xử phúc thẩm tại bản án số 503 ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt trong các lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” là **36.366.000** đồng và thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với giá trị tài sản chiếm đoạt là **16.987.500** đồng. Bị cáo Đỗ Duy H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố về tội danh “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi cố ý trong khi là người đã bị kết án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo thực hiện hai lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và nhiều tội phạm độc lập. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn đối với từng tội danh và tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 11 chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt của anh B chỉ thu giữ được 01 chiếc, còn lại không thu giữ được. Anh B yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ 10 chiếc điện thoại không thu giữ được theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh B toàn bộ số tiền này.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt của chị Th không thu giữ được. Quá trình xét xử, chị Th tự nguyện cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị cùng chi phí làm lại SIM. Xét đây là sự tự nguyện của chị Th nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 4 triệu đồng anh N mua điện thoại của bị cáo, anh N có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh N số tiền này là phù hợp.

Đối với số tiền 7 triệu anh H2 đã bỏ ra khi nhận xe máy làm tin, anh H2 tự nguyện cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Xét đây là sự tự nguyện của anh H2 nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Trần Văn H1 đã nhận lại xe máy cùng giấy tờ, không có yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra xem xét.

Về biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7 và chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade biển số 37M1-223.20 kèm theo giấy tờ xe, chứng minh nhân dân. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho anh Phạm Ng B và anh Trần Văn H1 là phù hợp. Anh B, anh H1 đã nhận tài sản và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua chiếc điện thoại Iphone 7 của anh Đoàn Phương N; hành vi cho bị cáo đặt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade biển số 37M1-223.20 kèm theo giấy tờ xe, chứng minh nhân dân làm tin và cho vay tiền của anh Đinh Hồ M. Tuy nhiên, anh N, anh M không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh N, anh M là phù hợp.

Đối với hành vi mua 10 chiếc điện thoại của chủ một cửa hàng tại thành phố Hà Nội, cơ quan điều tra không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc đĩa DVD lưu giữ hình ảnh trích xuất từ camera được xác định là tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Khoản 1 Điều 174; điểm g, h (*tái phạm*) Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm a Khoản 1 Điều 55; Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Duy H phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Duy H **30 (ba mươi)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và **15 (mười lăm)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Đỗ Duy H phải chấp hành hình phạt của hai tội là **45 (bốn mươi lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 16/01/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Duy H phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Phạm Ng B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 01/25 VMH, khu LC B, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương số tiền 28.645.000đ (*hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) và hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn VX, phường AQ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Phạm Ng B và anh Đoàn Phương N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường và khoản tiền hoàn trả nêu trên. Nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ Luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Duy H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự và phải chịu 1.632.000đ đã làm tròn (một triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi của mình. Thời hạn kháng cáo của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền